

Số: 298 /QĐ-UBND

Phước An, ngày 16 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng
năm 2024 và kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 11/7/2024 về việc điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 và kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2025;

Theo đề nghị của Địa chính – Xây dựng xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 và kế hoạch đầu tư xây dựng công trình năm 2025 thuộc các nguồn vốn được phân cấp cho UBND xã quản lý, cụ thể như sau:

I. Danh mục công trình điều chỉnh, bổ sung năm 2024:

1. Tổng nguồn vốn trước khi điều chỉnh: **2.000.000.000 đồng**

2. Tổng nguồn vốn sau khi điều chỉnh, bổ sung: **14.261.696.000 đồng,**

Trong đó:

- Công trình trả nợ đầu tư : **2.039.896.000 đồng;**

- Công trình chuyển tiếp: **50.000.000 đồng;**

- Công trình khởi công mới: **12.171.800.000 đồng.**

3. Nguồn kinh phí cụ thể sau khi điều chỉnh như sau:

- Trung ương hỗ trợ (Chương trình MTQG XD NTM): **719.000.000 đồng;**

- Tỉnh, huyện hỗ trợ : **2.506.696.000 đồng;**

- Nghị định 35/2015/NĐ-CP năm 2024: 400.000.000 đồng;
- Ngân sách xã (huyện hỗ trợ tiền SDĐ): 2.000.000.000 đồng;
- Ngân sách xã (tiền SDĐ): 8.636.000.000 đồng.

(Có phụ lục danh mục, kế hoạch vốn công trình kèm theo)

II. Danh mục công trình dự kiến năm 2025:

Tổng danh mục dự kiến năm 2025 là 28 công trình

Tổng nguồn vốn: 33.546.000.000 đồng

*** Nguồn kinh phí cụ thể như sau:**

- Tỉnh, huyện hỗ trợ : 12.700.000.000 đồng;
- Nghị định 35/2015/NĐ-CP năm 2024: 496.000.000 đồng;
- Ngân sách xã (huyện hỗ trợ tiền SDĐ): 20.350.000.000 đồng.

(Có phụ lục danh mục, kế hoạch vốn công trình kèm theo)

Điều 2. Giao bộ phận Địa chính – Xây dựng, Tài chính – Kế toán xã tổ chức thực hiện đạt hiệu quả, mọi khó khăn vướng mắc phải kịp thời báo cáo Lãnh đạo UBND xã để giải quyết.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024 và điều chỉnh Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 26/02/2024 của UBND xã Phước An về việc phê duyệt điều chỉnh danh mục, kế hoạch vốn đầu tư xây dựng năm 2024.

Điều 4. Văn phòng - Thống kê xã, Bộ phận Địa chính – Xây dựng, Tài chính – Kế toán xã, các ban ngành UBND xã có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy – TT HĐND xã (b/c);
- Như Điều 4 (t/h);
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Huỳnh Tấn Dũng

Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG DANH MỤC, KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2024 ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN VỐN
ĐƯỢC PHÂN CẤP CHO UBND XÃ PHƯỚC AN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 16/ 7 /2024 của UBND xã Phước An)

Đvt: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
	TỔNG CỘNG (A+ B+ C)		2,000			719	2506.696	400	8,886	12511.696	250	14261.696			
A	CÔNG TRÌNH TRẢ NỢ	Xã Phước An	100			0	539.896		1400	1939.896		2039.896			
I	Nguồn sử dụng đất		100			0	539.896		1400	1939.896		2039.896			
1	Quản lý Nhà nước		100						150	150		250			
1.1	Thẩm tra quyết toán, chi phí tư vấn, quản lý dự án		100						150	150		250			
2	Giao Thông						0		1,250	1,250		1250			
2.2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ UBND xã đến cầu Cả Bộ tại xã Phước An						0		800	800		800			
2.3	Sửa chữa, mở rộng, nâng cấp tuyến đường từ cầu Cả Bộ đến ngõ Đính						0		450	450		450			
3	Thủy Lợi						539.896			539.896		539.896			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
3.1	KCHKM tuyến từ Ngõ Phương - giáp đường Nguyễn Bảo thôn An Hòa 2						355.784			355.784		355.784			
3.2	KCHKM tuyến từ kho đội 15 - Rộc Mờ thôn Anh Hoà 2						184.112			184.112		184.112			
B	CÔNG TRÌNH CHUYỂN TIẾP	Xã Phước An	50						0	0		50			
I	Tiền sử dụng đất		50						0	0		50			
1	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư		50						0	0		50			
1.1	Quy hoạch chung xây dựng xã Phước An, huyện Tuy Phước đến năm 2035		50						0	0	0	50			
C	CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG MỚI	Xã Phước An	1,850	-	-	719	1,966.8	400	7,486	10,571.8	250	12,171.8	0	0	0
I	Tiền sử dụng đất		1,850	-	-	719	1,966.8	400	7,486	10,571.8	250	12,171.8	0	0	0
1	Giao thông		490	0	0	420	0		1600	2020	150	2360	0	0	0
1.1	BTXM đường nội đồng từ Ngã 5 đến Thiện Trường, thôn Ngọc Thạnh 1		70			100			460	560		630			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
1.2	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Sỹ đến Cầu Giáp Sở, thôn Ngọc Thanh 1		100			100			440	540		640			
1.3	BTXM đường nội đồng từ Ngõ Chín Rê đến Ruộng Nguyễn Thị Sáo thôn Thanh Huy 1		50			50			115	165		215			
1.4	BTXM đường nội đồng từ Cầu Gòn đến Gò Nhàn, thôn Đại Hội		50			50			105	155		205			
1.5	Mở rộng tuyến đường giao thông từ Ngã tư Đại Hội đến khu tái định cư.		200			0				0	150	50			
1.6	BTXM từ ngõ Tuấn đến Ngõ Cúc thôn An Sơn 2		0			120			350	470		470			
1.7	Di dời tuyến điện Từ UBND xã đến Cầu Cả Bộ		20			0			130	130	0	150			
2	Thủy lợi		140	0	0		452	400	1,308	2,160	0	2300	0	0	0
2.1	KCHKM tuyến từ Ngõ Văn đến Ao bà Tâm		50				271	200	509	980		1030			
2.2	KCHKM tuyến từ Ngõ Duy đến Nghĩa địa Gò Đá		50				181	200	569	950		1000			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
2.3	Nâng cấp tràn vượt lũ, thôn Thanh huy 2		40				0		130	130		170			
2.4	Kè Taluy phía đông từ cầu Quán Cầm đến cầu Máng thôn Đại Hội								100	100		100			
3	Giáo dục		890	0	0	299	1,514.8		2,650	4,463.8	0	5353.8	0	0	0
3.1	Xây dựng sân khấu ngoài trời điểm trường chính Đại Hội trường Mầm non Phước An		50						220	220		270			
3.2	Nhà đa năng Trường TH số 1 Phước An		540				1500		1,530	3,030		3570			
3.3	Nâng cấp, mở rộng sân bóng đá mini trường Tiểu học số 2 Phước An (điểm trường chính)		50						300	300		350			
3.4	Nâng cấp, cải tạo một số hạng mục trường Trung học cơ sở Phước An		250			299	14.8		600.0	913.8		1163.8			
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư		150	0	0		0		520	520	100	570	0	0	0

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	
4.1	Chợ trung tâm xã và xây dựng hạ tầng KDC xung quanh chợ		150							0	100	50			
4.2	Xây dựng Hội trường nhà đa năng và sân thể thao xã Phước An		0		0				50	50		50			
4.3	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 trên địa bàn xã Phước An năm 2024								170	170		170			
4.4	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư năm 2020 tại xã Phước An (Khu K6 An Hòa 1), Giai đoạn 2								200	200		200			
4.5	GPMB Nhà làm việc công an xã								100	100		100			
5	Kiến thiết thị chính		180	0	0		0		1,408	1,408	0	1588	0	0	0
5.1	Xây dựng Khu sinh hoạt cộng đồng cho người già và trẻ em		100						800	800		900			
5.2	Mua sắm trang thiết bị nhà Văn hóa các thôn		80						528	528		608			
5.3	Nâng cấp, lắp mới camer thuộc Mô hình Camera an ninh								80	80		80			

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Kế hoạch đầu tư công năm 2024			Nguồn Vốn				Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch đầu tư công năm 2024 sau điều chỉnh			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó		TW hỗ trợ chương trình MTQG	Ngân sách tỉnh, huyện hỗ trợ	ND 35/2015/NĐ-CP năm 2024	Ngân sách xã			Tổng số	Trong đó		
				Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB								Thu hồi vốn đã ứng trước	Trả nợ đọng XDCB	

Phụ lục

**DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG NĂM 2025 ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN VỐN
ĐƯỢC PHÂN CẤP CHO UBND XÃ PHƯỚC AN QUẢN LÝ**

(Kèm theo Quyết định số 298/QĐ-UBND ngày 16 / 7 /2024 của UBND xã Phước An)

ĐVT: Triệu đồng

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó chi theo nguồn vốn			Ghi chú
			Vốn Tỉnh, Huyện	Nguồn đầu giá đất ở	Nguồn khác	
	TỔNG CỘNG	33,546	12,700	20,350	496	
I	DANH MỤC ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025	33,546	12,700	20,350	496	
1	KCHKM Mương Hà Đôn đến ruộng Lê Thị Cúc	500	250	150	100	NĐ 35/2015 /NĐ-CP
2	KCHKM Mương ngõ Tâm xuống Sao Vân	400	200	100	100	NĐ 35/2015 /NĐ-CP
3	KCHKM từ cống Bà lâu đến Bàu Sen	500	250	150	100	NĐ 35/2015 /NĐ-CP
4	KCHKM tuyến từ ngõ Sơn - Hàng rào bụi tre thôn Thanh Huy 1	446	0	250	196	NĐ 35/2015 /NĐ-CP
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cụm công nghiệp đến Ao cá Bác Hồ	3000	1000	2000	0	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ao cá Bác Hồ đến Cây Gạo	3500	2000	1500	0	
7	Nâng cấp tuyến đường từ Ao cá Bác Hồ đến Thế Vũ	3000	2000	1000	0	
8	Nâng cấp tuyến đường từ Ngã 4 Đại Hội đến Ngõ Diên	4000	1500	2500	0	
9	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng từ trụ sở thôn An Sơn 1 đến cống bà Trang thôn An Sơn 2 đến Cụm công nghiệp	3000	1300	1700	0	
10	Lắp đặt đèn hoa “ Sáng-Xanh-Sạch-Đẹp” từ CCN đến UBND xã	1500	1000	500	0	
11	Bê tông sân nền Nhà văn hóa thôn An Sơn 1	300	0	300	0	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó chi theo nguồn vốn			Ghi chú
			Vốn Tỉnh, Huyện	Nguồn đầu giá đất ở	Nguồn khác	
12	Bê tông sân nền Nhà văn hóa thôn Ngọc Thanh 2	300	0	300	0	
13	Bê tông sân nền Nhà văn hóa thôn Qui Hội	400	0	400	0	
14	Mở rộng sân nền nhà văn hóa thôn An Hòa 1	450	150	300	0	
15	Xây dựng công văn hóa thôn Thanh Huy 2	450	150	300	0	
16	Bê tông lối đi thôn Thanh Huy 2	400	0	400	0	
17	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngã 5 NT1 đến Đình Ngọc Thanh	700	0	700	0	
18	Xây dựng Cầu San Ủi - Thanh Huy 1	500	400	100	0	
19	Xây dựng Cầu Giáp Sở - Ngọc Thanh 1	500	400	100	0	
20	BTXM Tuyến đường từ Ngõ Đinh đến Trạm cắt thôn Qui Hội	900	400	500	0	
21	BTXM Đường bờ đê chắn lũ thôn An Sơn 2	1000	0	1000	0	
22	Mở rộng nhà văn hóa các thôn	700	0	700	0	
23	BTXM - Giữa đồng ruộng (thôn AS 2)	400	0	400	0	
24	Mở rộng xây dựng tường rào trường mầm non (cụm Vườn Họ)	800	0	800	0	
25	Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Đại Hội năm 2024 tại xã Phước An	2000	0	2000	0	
26	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Ngõ Chương đến Ao Cá Béc Hồ	2000	1300	700	0	
27	Xây dựng Nhà vệ sinh và Bê tông sân nền Trường Tiểu học số 2 Phước An (Điểm trường Đại Hội)	900	0	900	0	
28	Lắp đặt dụng cụ thể thao nhà văn hóa các thôn	1000	400	600	0	

TT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Tổng kế hoạch vốn	Trong đó chi theo nguồn vốn			Ghi chú
			Vốn Tỉnh, Huyện	Nguồn đầu giá đất ở	Nguồn khác	

